

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-8-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Huy Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hùng;

2. Ông Cao Hoài Hiêm.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 22 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Trần Thị H, sinh năm 1980; nơi ĐKKHKT: khu phố HP, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Hẻm 292/15, đường HV, phường TL, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* ông Phan Thành N, sinh năm 1976; địa chỉ: khu phố HP, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

+ Về hôn nhân: tôi và ông Phan Thành N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã AH, huyện TB (nay là phường AH, thị xã TB), tỉnh Tây Ninh ngày 06-8-2002.

Sau khi kết hôn vợ chồng tôi bán dừa tre và sống ở nhà mẹ ruột của tôi tại khu phố HP, phường AH, thị xã TB. Nhưng do làm ăn ở TB không được nên năm

2009 chuyển lên Đắk Lắk. Vợ chồng sống hạnh phúc tới năm 2017 thì ông N không tu trí làm ăn, rượu chè, bài bạc...không chăm lo cho gia đình, một mình tôi phải tự làm chăm lo cho gia đình, có thời gian ông N còn đánh tôi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên tháng 4 năm 2022 ông N bỏ về TB sống cùng cha mẹ ông N tại khu phố HP, phường AH, thị xã TB còn tôi sống ở Hẻm 292/15, đường HV, phường TL, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk.

Vợ chồng sống ly thân từ tháng 04-2022 tới nay không gặp nhau để nói chuyện hàn gắn tình cảm. Tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông N.

+ Về con chung: có 03 con chung là anh Phan Trường L, sinh ngày 02-8-1999; anh Phan Hữu B, sinh ngày 06-7-2003 và cháu Phan Trần Như Y, sinh ngày 18-7-2008. Hai con Phan Trường L và Phan Hữu B đã thành niên có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Y hiện đang sống với tôi ở Đắk Lắk. Tôi chăm sóc cháu Y rất tốt, cháu Y đã học xong lớp 9 năm sau lên lớp 10. Tôi buôn bán dừa tre thu nhập mỗi tháng được khoảng 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng. Vì cháu Y là con gái và sống với tôi từ nhỏ tới nay nên khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cháu Y không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Phan Thành N: trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản cần tổng đạt cho ông N theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông N không có ý kiến và vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tổng đạt thông báo, văn bản cho đương sự, giao thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát, đương sự đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định cho bà H được ly hôn ông N; hai con chung là anh L và anh B đã thành niên có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết; giao con chung là cháu Y cho bà H nuôi, ghi nhận bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không đặt

ra giải quyết; bà H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông N.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: bà H và ông N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã AH, huyện TB (nay là phường AH, thị xã TB), tỉnh Tây Ninh ngày 06-8-2002. Nên hôn nhân giữa bà H và ông N là hợp pháp.

Theo bà H trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc tới năm 2017 thì ông N không tu trí làm ăn, rượu chè, bài bạc...không chăm lo cho gia đình nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 04 năm 2022 tới nay không gặp nhau để nói chuyện hàn gắn tình cảm. Do tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn nên bà Hoàng yêu cầu được ly hôn với ông N.

Theo biên bản xác minh ngày 06-6-2023, ông Nguyễn Ngọc T - Tổ trưởng tổ dân phố khu phố HP trình bày: ông N và bà H là vợ chồng, có ba con chung là anh L, anh B và cháu Y. Sau khi kết hôn anh N và bà H sống tại khu phố HP, phường AH được một thời gian thì chuyển lên sống tại Đắc Lắc. Do vợ chồng có mâu thuẫn nên từ đầu năm 2022 tới nay ông N về sống cùng cha mẹ tại khu phố HP.

Theo biên bản xác minh ngày 06-6-2023, ông Phan Văn Q trình bày: ông N là con của tôi, hiện đang sống cùng tôi tại khu phố HP, phường AH. Ông N và bà H là vợ chồng, có 03 con chung là anh L, anh B và cháu Y. Sau khi kết hôn ông N và bà H sống một thời gian tại TB sau đó chuyển lên Đắc Lắc sống. Từ đầu năm 2022 thì ông N bỏ về sống cùng tôi, tôi không thấy bà H về thăm ông và ông N cũng không lên thăm bà H. Tôi hỏi thì ông N nói vợ chồng có mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng và không ai có thiện trí hàn gắn tình cảm nên ly thân.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa bà H và ông N không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo quy định trên.

Xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông N.

[2.2] Về con chung: có 03 con chung là anh Phan Trường L, sinh ngày 02-8-1999; anh Phan Hữu B, sinh ngày 06-7-2003 và cháu Phan Trần Như Y, sinh ngày 18-7-2008.

Anh L và anh B đã thành niên có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không giải quyết. Cháu Y đã 15 tuổi hiện đang sống cùng bà H ở Đắk Lắk, do bà Hoàng chăm sóc và có nguyện vọng nếu cha mẹ ly hôn thì được sống cùng mẹ.

Do đó, để đảm bảo về điều kiện hoàn cảnh và sự phát triển bình thường của cháu Y, nên giao cháu Y cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: bà H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: bà H trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với ông Phan Thành N.

1. Về hôn nhân: cho bà Trần Thị H ly hôn ông Phan Thành N.

2. Về con chung: có 03 con chung là anh Phan Trường L, sinh ngày 02-8-1999; anh Phan Hữu B, sinh ngày 06-7-2003 và cháu Phan Trần Như Y, sinh ngày 18-7-2008.

Anh Phan Trường L và anh Phan Hữu B đã thành niên có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không giải quyết.

Giao cháu Phan Trần Như Y cho bà Trần Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông Phan Thành N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Trần Thị H không yêu cầu; ông Phan Thành N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: bà Trần Thị H trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0027167 ngày 17 tháng 4 năm 2023, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

6. Bà Trần Thị H và ông Phan Thành N có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Tx Trảng Bàng;
- Chi cục THADS Tx Trảng Bàng;
- UBND phường AH;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Huy Phong